*Ngày 10 tháng 2 năm 2025**Họ và tên giáo viên: Trương Thị Hiền*

*Tổ chuyên môn: Sử-Địa-KT&PL*

**NHẬT BẢN**

**BÀI 23. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ**

**VÀ XÃ HỘI NHẬT BẢN (tiết 1)**

Môn học/ Hoạt động giáo dục: Địa lí ; lớp: 11A3

Thời gian thực hiện: 1 tiết (tiết 52); Tháng: 3

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về kiến thức**

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (Địa hình và đất, khí hậu) đến phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

- Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản.

**2. Về năng lực**

**\* Năng lực chung**

*- Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống.

+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,…

**\* Năng lực đặc thù**

*- Nhận thức khoa học địa lí:*

Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí, điều kiện tự nhiên của Nhật Bản.

*- Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,…

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

*- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, điều kiện tự nhiên (Địa hình và đất, khí hậu) của Nhật Bản.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, điều kiện tự nhiên (Địa hình và đất, khí hậu) của Nhật Bản.

**3. Về phẩm chất**

*- Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.

*- Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống của người khác.

*- Chăm chỉ:* Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

*- Trung thực*: Nhận thức và hành động theo lẽ phải.

*- Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính, tivi, bút, nam châm, giấy A1

**2. Học liệu**

**-**SGK, vở ghi chép

- Tranh ảnh, video về tự nhiên Nhật Bản.

- Hình 23.1.Bản đồ tự nhiên Nhật Bản.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS nhận diện được một thông tin về Nhật Bản.

**b) Nội dung:** HS quan sát tivi, sử dụng SGK, hoạt động theo cặp, trả lời câu hỏi.

**\* Câu hỏi:** Tìm hiểu một số thông tin về Nhật Bản.

**c) Sản phẩm:**

**-** Nhật Bản

- Núi Phú Sĩ, Võ Sumô, Sushi, sóng thần, Kimônô

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:** Trình chiếu hình ảnh và cho HS chơi trò chơi “THỬ TÀI TRÍ NHỚ”, HS quan sát và trả lời câu hỏi “Những hình ảnh trên liên tưởng đến quốc gia nào? Cho biết nội dung của những bức ảnh đó.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 01 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV giới thiệu vị trí của Nhật Bản trên bản đồ thế giới và hình ảnh Nhật Bản nhìn từ vệ tinh. Giới thiệu quốc huy, quốc kỳ, diện tích, dân số, thủ đô của Nhật Bản

Khái quát chung nội dung của Nhật Bản trong phân phối chương trình.

**2***.***HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (35 phút)**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vị trí địa lí (12 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí đến phát triển kinh tế - xã hội.

**b) Nội dung:** Quan sát hình 22.1, đọc mục I SGK trang 114 và thực hiện nhiệm vụ:

- Xác định vị trí của Nhật Bản:

+ Trên bản đồ Châu Á

+ Tiếp giáp với biển, đại dương nào?

+ Toạ độ (vĩ độ và kinh độ)

+ Nằm gần những quốc gia nào?

- Lãnh thổ bao gồm những bộ phận nào

- Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến phát triển kinh tế-xã hội Nhật Bản

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

|  |
| --- |
| **I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ**  - Là một quốc gia quần đảo, nằm ở phía đông của châu Á.  - Tiếp giáp:Thái Bình Dương, biển Nhật Bản, biển Ô-khốt.  - Hệ tọa độ:  + Từ khoảng 20°B đến 45°B.  + Từ 123°Đ đến 154°Đ.  - Nằm gần Liên bang Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, CHND Triều Tiên.  -Lãnh thổ gồm hàng nghìn đảo, trong đó có 4 đảo lớn nhất là Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.  → Nằm trong khu vực phát triển kinh tế năng động châu Á - Thái Bình Dương →thuận lợi cho giao thương quốc tế; Xây dựng hải cảng, phát triển tổng hợp kinh tế biển.  →Khó khăn: chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai: động đất, sóng thần→ảnh hưởng lớn đến đời sống, sản xuất. |

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS làm việc theo hình thức cặp đôi, trả lời các câu hỏi theo yêu cầu. Sau đó đại diện 1 HS lên bảng để trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Các cặp đôi thảo luận trong thời gian 2 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 HS lên trả lời trên hình 23.1

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chốt kiến thức, mở rộng:

*Do vị trí Nhật Bản nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương, khu vực có hoạt động địa chất mạnh nhất thế giới, do sự va chạm của bốn mảng kiến tạo: mảng Thái Bình Dương, mảng Bắc Mĩ, mảng Âu-Á, mảng Philippin, nên quốc gia này thường xuyên phải đối mặt với động đất và sóng thần. Trung bình mỗi năm đất nước này có khoảng 1 500 trận động đất lớn nhỏ, tức là trung bình 4 trận/1 ngày. Do đó Nhật Bản có hệ thống cảnh báo sớm và các biện pháp chống động đất rất tiên tiến, giúp giảm thiểu thiệt hại do thảm hoạ này gây ra.*

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (25 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS phân tích được ảnh hưởng một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.

**b) Nội dung:** HS quan sát tivi, SGK, làm việc theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập số 1 và số 2

**\* Nhóm 1 và 2:** Phân tích đặc điểm và ảnh hưởng của địa hình và đất (phiếu học tập số 1-phụ lục 1)

**\* Nhóm 3 và 4:** Phân tích đặc điểm và ảnh hưởng của khí hậu (phiếu học tập số 2-phụ lục 2)

**c) Sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhân tố** | **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** | | | **Thuận lợi** | **Khó khăn** | | Địa hình và đất | - Đồi núi:  + Chiếm khoảng 4/5 diện tích, phần lớn là núi trẻ có độ cao trung bình từ 1500-2000 m, cao nhất là núi Phú Sĩ (cao 3776m).  + Có rất nhiều núi lửa (chiếm khoảng 10% núi lửa đang hoạt động trên thế giới).  + Đất pốt dôn, đất nâu,..  - Đồng bằng:  + Nhỏ hẹp, phân bố ven biển  + Đất phù sa (đồng bằng lớn nhất là đồng bằng Can-tô)  → Địa hình nhiều đồi núi, bị cắt xẻ phức tạp. | - Phát triển nông nghiệp ở các đồng bằng ven biển.  - Phát triển rừng và chăn nuôi ở đồi núi.  - Có nhiều cảnh quan đẹp để phát triển du lịch. | -Thiếu đất canh tác.  - Giao thông  - Động đất, núi lửa. | | Khí hậu | - Phần lớn lãnh thổ nằm trong đới khí hậu ôn đới, mang tính chất gió mùa, lượng mưa trung bình trên 1000 mm.  - Phân hóa rõ rệt theo bắc nam, đông-tây, theo độ cao. | - Nhìn chung, thuận lợi cho sản xuất và cư trú.  - Đa dạng cơ cấu cây trồng vật nuôi và mùa vụ, loại hình du lịch | Thường xảy ra thiên tai: bão, lũ, mùa đông băng giá, tuyết rơi nhiều. | |

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**3.HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (4 phút)**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong bài học.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để chơi trò chơi: Lucky number

**\* Câu hỏi:**

**Câu 1:** Nhật Bản nằm ở vị trí nào sau đây?

**A.** Nam Á. **B.** Bắc Á.

**C.** Tây Á. **D.** Đông Á.

**Câu 2.** Dạng địa hình nào sau đây chiếm phần lớn diện tích tự nhiên của Nhật Bản?

**A.** Bình nguyên **B.** Hoang mạc.

**C.** Đồi núi. **D.** Đồng bằng

**Câu 3.** Chúc mừng bạn nhận được một phần quà MAY MẮN từ giáo viên

**Câu 4.** Cho đoạn thông tin: Nhật Bản nằm trong khoảng vĩ độ từ 200B đến 450B và trong khoảng kinh độ từ 1230Đ đến 1540Đ. Phía đông và phía nam giáp Thái Bình Dương, phía tây giáp biển Nhật Bản, phía bắc giáp biển Ô-khốt. Nhật Bản gần các nước trong lục địa là Liên bang Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc và Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên.

**a.** Nhật Bản có nhiều điều kiện xây dựng các hải cảng, phát triển tổng hợp kinh tế biển.

**b.** Nhật Bản chịu tác động của nhiều thiên tai, nhất là động đất và sóng thần

**c.** Nhật Bản có hình dáng lãnh thổ cân đối nên tự nhiên ít có sư phân hóa.

**d.** Nhật Bản nằm hoàn toàn trong đới khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa..

**Câu 5.**Vị trí địa lí đã tạo điều kiện thuận lợi cho Nhật Bản phát triển mạnh các ngành kinh tế nào sau đây?

**A.** Các ngành công nghiệp công nghệ cao.

**B.** Các ngành kinh tế biển.

**C.** Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản.

**D.** Các ngành công nghiệp chế biến.

**Câu 6.** Từ bắc xuống nam, bốn đảo lớn nhất của Nhật Bản lần lượt là

**A.** Kiu-xiu, Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư

**B.** Hôn-su, Hô-cai-đô, Kiu-xiu, Xi-cô-cư.

**C.** Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.

**D.** Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

1D

2C

3. GV thưởng HS 1 phần quà

4: a Đ, b Đ, c S, d Đ

5B

6 D

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:** GV cho Hs chọn con số may mắn để trả lời

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**4.HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (1 phút)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

**\* Câu hỏi:** Tìm hiểu những trận động đất lịch sử ở Nhật Bản

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:** -Năm 1923

-Năm 2011

- **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và nêu suy nghĩ của bản thân.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**IV. PHỤ LỤC**

**1.Phụ lục 1**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỊA HÌNH VÀ ĐẤT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** | |
| **Thuận lợi** | **Khó khăn** |
| -Đồi núi  -Đồng bằng |  |  |

THÔNG TIN PHẢN HỒI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** | |
|  | **Thuận lợi** | **Khó khăn** |
| - Đồi núi:  + Chiếm khoảng 4/5 diện tích, phần lớn là núi trẻ có độ cao trung bình từ 1500-2000m, cao nhất là núi Phú Sĩ (cao 3 776m).  + Có rất nhiều núi lửa (chiếm khoảng 10% núi lửa đang hoạt động trên thế giới).  + Đất pốt dôn, đất nâu,..  - Đồng bằng:  + Nhỏ hẹp, phân bố ven biển  + Đất phù sa (đồng bằng lớn nhất là đồng bằng Can-tô)  → Địa hình nhiều đồi núi, bị cắt xẻ phức tạp. | -Phát triển nông nghiệp ở các đồng bằng ven biển.  - Phát triển rừng và chăn nuôi ở đồi núi.  - Có nhiều cảnh quan đẹp để phát triển du lịch. | -Thiếu đất canh tác.  -Giao thông  - Động đất, núi lửa. |

**2. Phụ lục 2**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA KHÍ HẬU

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** | |
| **Thuận lợi** | **Khó khăn** |
|  |  |  |

THÔNG TIN PHẢN HỒI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** | |
| **Thuận lợi** | **Khó khăn** |
| - Phần lớn lãnh thổ nằm trong đới khí hậu ôn đới, mang tính chất gió mùa, lượng mưa trung bình trên 1000 mm.  - Phân hóa rõ rệt theo bắc nam, đông-tây, theo độ cao.  + Theo chiều bắc - nam:  Phía bắc: khí hậu ôn đới, mùa đông kéo dài, lạnh, thường có bão tuyết.  Phía nam: khí hậu cận nhiệt, mùa đông ít lạnh, mùa hạ nóng, thường có mưa to và bão.  +Theo chiều đông - tây:  Phía đông: ấm, mưa nhiều vào mùa hạ, lạnh và khô ráo vào mùa đông.  Phía tây: mùa đông lạnh hơn, nhiều tuyết. | - Nhìn chung, thuận lợi cho sản xuất và cư trú.  - Đa dạng cơ cấu cây trồng vật nuôi và mùa vụ, loại hình du lịch | Thường xảy ra thiên tai: bão, lũ, mùa đông băng giá, tuyết rơi nhiều. |